

Lồng ghép phát triển kỹ năng AI và đạo đức truyền thông trong chương trình đào tạo ngành báo chí, truyền thông bậc đại học ở Việt Nam hiện nay

Integrating the development of AI skills and media ethics into undergraduate journalism and communication training programs in Vietnam today

TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Việt Nam; Email: hanhnguyenajc@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/3/2025

Ngày phản biện: 20/4/2026

Ngày duyệt đăng: 23/4/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí, truyền thông

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi sâu sắc lĩnh vực báo chí, truyền thông và đặt ra yêu cầu mới đối với giáo dục đại học Việt Nam trong đổi mới chương trình đào tạo. Trên cơ sở định hướng của Đảng và các mục tiêu quốc gia về phát triển AI, bài viết đề xuất cách tiếp cận tích hợp – lồng ghép, coi kỹ năng AI và đạo đức truyền thông là hai thành tố phải được phát triển đồng thời trong chuẩn đầu ra và trong cấu trúc chương trình đào tạo các ngành truyền thông, báo chí. Từ việc nhận diện khoảng trống về kỹ năng AI ứng dụng, phân tích dữ liệu, hiểu biết về đạo đức số và khả năng ứng xử với các rủi ro như deepfake, nội dung tạo sinh hay thao túng thuật toán, bài viết đề xuất khung chương trình gồm bốn nhóm học phần: (1) nền tảng số - dữ liệu; (2) công cụ và kỹ năng AI trong truyền thông; (3) đạo đức - pháp lý trong truyền thông số; (4) thực hành phòng lab và dự án thí nghiệm. Đồng thời, kiến nghị xây dựng chuẩn năng lực AI cho lĩnh vực truyền thông, phát triển phòng lab truyền thông số, nâng cao năng lực giảng viên và tăng cường liên kết với doanh nghiệp công nghệ.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo (AI); đào tạo truyền thông; đạo đức truyền thông số; năng lực AI; kỹ năng dữ liệu.

Abstract: The rapid development of artificial intelligence (AI) is profoundly transforming journalism and communication, posing new requirements for higher education in Vietnam in terms of curriculum innovation. Based on Party orientations and national goals for AI development, this article proposes an integrated approach in which AI skills and media ethics are developed simultaneously as core components of learning outcomes and curriculum structure in journalism and communication programs. By identifying gaps in applied AI skills, data analysis, digital ethics, and the ability to address risks such as deepfakes, generative content, and algorithmic manipulation, the article proposes a curriculum framework consisting of four groups of courses: (1) digital and data foundations; (2) AI tools and skills in communication; (3) ethics and legal aspects of digital communication; and (4) laboratory practice and experimental projects. It also recommends developing AI competency standards for the communication field, establishing digital media labs, enhancing faculty capacity, and strengthening partnerships with technology enterprises.

Keywords: artificial intelligence (AI); communication education; digital media ethics; AI competence; data skills.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh của trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi sâu sắc báo chí, quan hệ công chúng và truyền

thông số. AI không chỉ hỗ trợ tác nghiệp mà còn tái cấu trúc toàn bộ chu trình truyền thông: thu thập và phân tích dữ liệu công chúng, lập kế hoạch dựa trên

dự báo, tạo sinh văn bản - hình ảnh - âm thanh - video, phân phối nội dung theo thuật toán và đánh giá hiệu quả bằng mô hình phân tích tự động. Yêu cầu đối với nhân lực truyền thông vì vậy chuyển từ kỹ năng truyền thống sang năng lực làm chủ dữ liệu, công nghệ số và mô hình ngôn ngữ lớn (AI/LLM) trong tác nghiệp, quản trị và sáng tạo nội dung.

Văn kiện Đại hội XIII khẳng định giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, nhấn mạnh phát triển hạ tầng số, an ninh mạng và cơ sở dữ liệu lớn (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/1/2021, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, yêu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, ứng dụng AI trong phân tích năng lực người học, cá nhân hóa học tập và dự báo nhu cầu nhân lực (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Đây là cơ sở trực tiếp để các cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông điều chỉnh chương trình phù hợp bối cảnh công nghệ mới.

Tuy nhiên, mức độ tích hợp AI trong đào tạo truyền thông hiện còn hạn chế. Các học phần kỹ năng số xuất hiện rời rạc, chưa hình thành hệ thống kỹ năng AI cốt lõi như: phân tích dữ liệu truyền thông, đọc - hiểu thuật toán phân phối nội dung, vận hành công cụ tạo sinh, kiểm chứng và biên tập đầu ra do AI hỗ trợ hoặc đánh giá rủi ro đạo đức số. Nguyên nhân chủ yếu là thiếu chuẩn năng lực, thiếu chương trình khung, thiếu giáo trình phù hợp và đội ngũ giảng viên chưa thành thạo công nghệ.

Vấn đề đạo đức truyền thông trong thời AI cũng đặt ra thách thức lớn. Những công nghệ như deepfake, nội dung tạo sinh, tổng hợp thông tin và thuật toán gợi ý có thể tạo sai lệch nhận thức, ảnh hưởng niềm tin xã hội. Trong khi đó, chương trình đạo đức báo chí - truyền thông hiện nay vẫn dựa trên khuôn mẫu truyền thống, chưa cập nhật các yêu cầu mới như minh bạch sử dụng AI, bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu, kiểm chứng thông tin tạo sinh và nhận diện thiên lệch thuật toán. Điểm then chốt là: nếu chỉ “bổ sung” học phần công cụ AI mà không lồng ghép đạo đức truyền thông như một năng lực bắt buộc trong toàn bộ chu trình truyền thông số, thì đào tạo sẽ dễ rơi vào kỹ thuật hóa; ngược lại, nếu chỉ dạy đạo đức theo khung truyền thống mà thiếu hiểu biết về AI và dữ liệu, thì chuẩn

mục đạo đức khó đi vào thực hành nghề nghiệp.

Cơ sở vật chất và nguồn lực đào tạo tiếp tục là điểm yếu: thiếu phòng lab truyền thông số, phòng dữ liệu và môi trường thực hành AI; giảng viên thiếu trải nghiệm với công cụ mới; học liệu chưa theo kịp tốc độ phát triển. Điều này hạn chế khả năng tiếp cận AI của sinh viên.

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, việc tích hợp lồng ghép kỹ năng AI và đạo đức truyền thông vào giáo dục đại học không chỉ là yêu cầu của thị trường lao động, mà còn là nhiệm vụ chính trị - chiến lược nhằm xây dựng đội ngũ nhân lực truyền thông hiện đại, có bản lĩnh, thích ứng cao và phục vụ mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số.

Mục tiêu SDG 4 thuộc Chương trình Nghị sự 2030 của Liên hợp quốc khẳng định: Giáo dục chất lượng, toàn diện, công bằng và học tập suốt đời không chỉ hướng tới việc phổ cập, mà còn nâng cao kỹ năng, kiến thức và giá trị sống cho mọi người, trong đó hàm nghĩa mở rộng yêu cầu về kỹ năng số, năng lực công dân số trong xã hội số (United Nations, 2015). Điều này mở rộng yêu cầu đối với đào tạo truyền thông: sinh viên cần làm chủ công nghệ, hiểu dữ liệu, vận hành công cụ AI và xử lý đúng đắn các vấn đề đạo đức số. Năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh ứng dụng AI chuyển từ tác nghiệp tuyến tính sang vận hành hệ sinh thái số: phân tích dữ liệu công chúng, dự báo hành vi nền tảng và duy trì chuẩn mực đạo đức khi sử dụng công cụ tạo sinh. Đạo đức truyền thông số mở rộng phạm vi truyền thống, yêu cầu người học hiểu quyền riêng tư dữ liệu, minh bạch khi dùng nội dung tạo sinh, trách nhiệm khi xử lý thông tin tự động và khả năng xác minh tính thật - giả của nội dung tổng hợp. SDG 4 nhấn mạnh năng lực công dân số, cho thấy đạo đức số là trụ cột của giáo dục hiện đại, đào tạo truyền thông phải hình thành đội ngũ nhân lực thành thạo công nghệ nhưng vẫn giữ tư duy nhân văn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, so sánh về vấn đề phát triển kỹ năng AI và đạo đức truyền thông trong chương trình đào tạo ngành báo chí, truyền thông bậc đại học ở Việt Nam hiện nay

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng đào tạo truyền thông bậc đại học tại Việt Nam, thách thức và cơ hội hòa nhập quốc tế

Việc tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) trong đào tạo truyền thông bậc đại học tại Việt Nam đang diễn ra nhưng chưa tương xứng với tốc độ và yêu cầu thời đại. Theo Tiến sĩ Lê Trung Đạo, Phó Hiệu trưởng Trường đại học Tài chính – Marketing “Việc ứng dụng AI tại các trường đại học Việt Nam còn nhiều hạn chế: Hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, năng lực số của đội ngũ giảng viên còn chênh lệch, khung pháp lý về công nhận học tập trực tuyến toàn phần và quản lý dữ liệu học tập chưa hoàn thiện” (Báo Nhân Dân, 2024)

Trong bài nghiên cứu Giáo dục đại học Việt Nam trong thời đại trí tuệ nhân tạo: Định nghĩa lại việc chuẩn bị nghề nghiệp cho thế hệ sinh viên tương lai, tác giả Hoàng Phương Thảo (Đại học Hà Nội), chỉ ra rằng sinh viên đại học Việt Nam mặc dù có nền tảng học thuật ổn định nhưng thiếu kỹ năng số cơ bản, thiếu hiểu biết AI và thiếu trải nghiệm môi trường số phù hợp với yêu cầu thị trường lao động thời đại AI (Hoàng, P. T, 2025).

Một nghiên cứu tác động của các công cụ AI đối với giáo dục đại học ở Việt Nam (nhìn từ giảng viên tiếng Anh - EFL - tại một số trường đại học ở tỉnh Đồng Nai), của nhóm tác giả thuộc trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, đã chỉ ra thực trạng rằng: tại Việt Nam, mặc dù các công cụ AI đã xuất hiện nhiều, nhưng giảng viên còn “lo ngại về chi phí công cụ, thiếu đào tạo, và quan ngại về quyền riêng tư dữ liệu” (Nguyễn, T. N., et al. (2024). Điều này lý giải vì sao nhiều cơ sở đào tạo truyền thông - báo chí chưa thực sự sẵn sàng để đưa AI vào chương trình một cách có hệ thống.

Trong báo cáo Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam (Digital Transformation in Vietnam's Higher Education) từ British Council về kết quả của các dự án hợp tác giữa Vương quốc Anh và Việt Nam nhằm thúc đẩy chuyển đổi số tại các trường đại học Việt Nam cho rằng các trường đại học Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu của chuyển đổi số: thiếu chiến lược đồng bộ, thiếu hệ sinh thái số mạnh, và thiếu hợp tác quốc tế sâu về đào tạo AI và dữ liệu (British Council, 2023). Tất cả những ghi nhận trên cho thấy ba nhóm vấn đề chính: hạ tầng & công nghệ, đội ngũ nhân lực - giảng viên, và nội dung chương trình đào

tạo đều chưa đáp ứng yêu cầu mới.

Như vậy, các trường đại học Việt Nam đang ở giai đoạn chuyển tiếp, trong đó chương trình đào tạo truyền thông vẫn thiên về lối đi truyền thống, chưa đáp ứng yêu cầu AI và dữ liệu. Trong khi đó, quốc tế đã triển khai mô hình như “AI for Journalism” (Mỹ /EU), “Media Analytics” (Singapore, Hàn Quốc) - nơi sinh viên được đào tạo kỹ năng dữ liệu, thuật toán và đạo đức số như một cấu phần tích hợp của năng lực nghề nghiệp. Việc Việt Nam kết nối chuẩn này sẽ giúp nâng cao chất lượng giáo dục truyền thông, đồng thời phù hợp với yêu cầu SDG 4 về giáo dục chất lượng, toàn diện, công bằng và học tập suốt đời.

Trước thực trạng và yêu cầu đang đặt ra, chúng tôi muốn gợi ý một số bước đi cụ thể cho các trường đại học đào tạo lĩnh vực truyền thông - báo chí tại Việt Nam. Trước hết là xây dựng chiến lược đào tạo truyền thông thời AI phù hợp với định hướng quốc gia, gắn với định hướng chuyển đổi số của quốc gia. Chiến lược này nên bao gồm: đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật - công nghệ, đánh giá năng lực giảng viên – sinh viên, xác định chuẩn năng lực AI truyền thông, xác lập lộ trình từ 3 đến 5 năm để tích hợp AI và đạo đức truyền thông theo hướng lồng ghép chứ không “ghép nối cơ học”. Tiếp theo là cần xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo truyền thông theo khung phân nhóm học phần: nhóm học phần nền tảng, nhóm học phần công cụ - kỹ năng AI, nhóm học phần đạo đức - pháp lý, nhóm học phần thực hành. Đặc biệt, cơ sở đào tạo cần phối hợp với doanh nghiệp công nghệ và truyền thông số để đưa vào chương trình đào tạo các dự án thực hành, mô phỏng truyền thông AI, và đánh giá dựa trên năng lực thay vì chỉ kiến thức.

Một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu là phải nâng cao năng lực giảng viên và phát triển hạ tầng. Các cơ sở đào tạo cần đầu tư đào tạo giảng viên về AI, dữ liệu, truyền thông số; hợp tác quốc tế để mời chuyên gia hoặc triển khai các khóa học ngắn. Cần phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật như phòng lab AI truyền thông – dữ liệu lớn – phân tích mạng xã hội. Đây không chỉ là đầu tư công nghệ, mà là đầu tư vào nền tảng thực hành và nghiên cứu.

Việc học hỏi từ các trường đại học quốc tế và sáng kiến toàn cầu là rất quan trọng. Một tham chiếu đáng chú ý là khung Kiến thức về AI cho giáo dục đại học

của Educause nhấn mạnh rằng: Năng lực AI trong giảng dạy và học tập (AI Literacy in Teaching and Learning - ALTL)) bao gồm việc nắm vững các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của AI; đánh giá một cách phê phán việc ứng dụng các công cụ AI trong giảng dạy, học thuật và quản lý các ưu tiên giáo dục; duy trì sự cảnh giác trong việc thẩm định các công cụ và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự thiên lệch, lạm dụng và sử dụng sai mục đích các mô hình mạnh mẽ này. ALTL cũng yêu cầu cam kết sử dụng các công cụ AI một cách đạo đức, đảm bảo được áp dụng một cách minh bạch và có trách nhiệm, đồng thời nhận thức đầy đủ về những tác động xã hội mà chúng có thể tạo ra (EDUCAUSE, 2024).

Các cơ sở đào tạo Việt Nam nên kết nối với các mạng lưới quốc tế, tham gia chương trình trao đổi, hợp tác nghiên cứu và học thuật để xây dựng chuẩn đầu ra và và thiết kế học phần tích hợp.

3.2. Đề xuất khung lồng ghép kỹ năng AI & Đạo đức truyền thông trong chương trình đào tạo báo chí, truyền thông bậc đại học.

3.2.1. Nguyên tắc thiết kế

Trước hết, việc thiết kế chương trình đào tạo truyền thông trong bối cảnh AI phải tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản như:

Tương thích với định hướng chiến lược quốc gia: Văn kiện Đại hội XIII và Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh phát triển nhân lực chất lượng cao, nhân lực số và truyền thông hiện đại; chiến lược quốc gia về AI (Quyết định 127/QĐ-TTg) yêu cầu ứng dụng AI vào chương trình đào tạo đại học.

Lồng ghép - tích hợp: Kỹ năng AI và đạo đức truyền thông không tách rời thành hai nội dung riêng biệt mà phải được lồng ghép xuyên suốt các học phần truyền thông - báo chí - truyền thông số (từ nền tảng dữ liệu, công cụ AI đến thực hành và đánh giá).

Học tập suốt đời (lifelong learning): Phù hợp với tinh thần SDG 4 về giáo dục chất lượng và học tập suốt đời, chương trình phải phát triển khả năng thích ứng, đổi mới của sinh viên.

Đa phương thức và vấn đề - tình huống thực hành: Vì AI và truyền thông số thay đổi nhanh, chương trình cần sử dụng phương pháp học tập dự án, trường hợp thực tế, phòng thí nghiệm số.

- Đạo đức và pháp lý từ sớm: Không chỉ dạy công

cụ kỹ thuật mà phải dạy từ sớm về hậu quả đạo đức, pháp lý của AI trong truyền thông – có thể nghiên cứu áp dụng tài liệu quốc tế như UNESCO Recommendation on the Ethics of Artificial Intelligence (UNESCO, 2021).

3.2.2. Cấu trúc khung chương trình đề xuất

Dựa trên thực trạng đào tạo ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế hiện nay, chúng tôi xin đề xuất khung chương trình dưới dạng bốn nhóm học phần chính:

Nhóm học phần nền tảng

Cơ sở dữ liệu và truyền thông số: kiến thức về dữ liệu lớn, phân tích truyền thông, mô hình người dùng. Trước hết, sinh viên được trang bị hiểu biết căn bản về dữ liệu số, nguyên lý dữ liệu lớn (big data), đặc điểm dữ liệu mạng xã hội và các loại dữ liệu truyền thông thường gặp. Tiếp đó, học phần giới thiệu các phương pháp thu thập, xử lý và trực quan hóa dữ liệu phục vụ phân tích truyền thông: đo lường mức độ tiếp cận, nhận diện xu hướng, phân tích tương tác và đánh giá hiệu quả nội dung trên các nền tảng số. Cuối cùng, sinh viên được tiếp cận các mô hình mô tả hành vi người dùng trong môi trường truyền thông số, bao gồm theo dõi dòng chảy thông tin, các yếu tố tác động đến lan truyền nội dung và cách dữ liệu được sử dụng để dự báo nhu cầu, sở thích và phản ứng của công chúng.

Học phần giúp sinh viên hình thành năng lực đọc - hiểu - sử dụng dữ liệu như công cụ cốt lõi trong hoạch định và triển khai truyền thông hiện đại.

Nguyên lý trí tuệ nhân tạo: thuật toán, học máy, mô hình ngôn ngữ lớn, ứng dụng trong truyền thông. Học phần trang bị cho sinh viên nền tảng khái niệm và tư duy cốt lõi về trí tuệ nhân tạo, tập trung vào những kiến thức thiết yếu để hiểu thuật toán, học máy, mô hình ngôn ngữ lớn, và ứng dụng truyền thông.

Trước hết, sinh viên được giới thiệu các thuật toán cơ bản trong AI và cách chúng xử lý dữ liệu để nhận dạng mẫu, phân loại, dự đoán hoặc tối ưu hóa kết quả. Tiếp theo, học phần trình bày nguyên lý của học máy (machine learning), bao gồm học có giám sát, không giám sát và học tăng cường, giúp sinh viên hiểu cơ chế AI học từ dữ liệu và cải thiện theo thời gian. Trên nền đó, học phần giới thiệu mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) - công nghệ đứng sau hệ thống tạo sinh nội dung - và cách chúng được huấn luyện để xử lý, phân tích và tạo ra văn bản.

Phần cuối tập trung vào các ứng dụng AI trong truyền thông: phân tích dữ liệu công chúng, cá nhân hóa nội dung, tự động hóa sản xuất, phát hiện xu hướng và hỗ trợ ra quyết định truyền thông số. Học phần giúp sinh viên hình thành tư duy AI cơ bản và khả năng ứng dụng công nghệ vào thực tiễn nghề nghiệp.

Xã hội học số và truyền thông mới: cấu trúc truyền thông số, mạng xã hội, lan truyền thông tin. Trọng tâm gồm ba nhóm kiến thức: cấu trúc xã hội số, hành vi người dùng, và truyền thông mới.

Trước hết, sinh viên tiếp cận khái niệm xã hội số và cách không gian mạng hình thành các cộng đồng, nhóm quan tâm, luồng tương tác và cấu trúc quyền lực mới. Tiếp theo, học phần phân tích hành vi người dùng trên nền tảng số: động cơ tham gia, cơ chế chú ý, mô hình lan truyền, hiệu ứng thuật toán và quá trình hình thành dư luận trực tuyến. Trên nền đó, học phần giới thiệu truyền thông mới (new media) với đặc trưng đa nền tảng, phân mảnh công chúng, sản xuất - phân phối nội dung do người dùng tạo (UGC), cùng sự chuyển dịch từ truyền thông một chiều sang tương tác liên tục.

Học phần giúp sinh viên hiểu bối cảnh xã hội mà hoạt động truyền thông diễn ra, biết phân tích hành vi công chúng trong môi trường số, từ đó vận dụng vào thiết kế chiến lược truyền thông phù hợp với đặc thù truyền thông hiện đại.

Nhóm học phần công cụ - kỹ năng AI trong truyền thông

Báo chí dữ liệu & phân tích thông tin số: những nguyên tắc và kỹ năng nền tảng của báo chí dữ liệu trong bối cảnh truyền thông số. Trọng tâm gồm ba nội dung chính: thu thập - làm sạch - phân tích dữ liệu, và trình bày thông tin.

Sinh viên được hướng dẫn cách thu thập dữ liệu từ nguồn mở, nền tảng số và cơ sở dữ liệu báo chí; biết làm sạch, phân loại và xử lý dữ liệu phục vụ khai thác thông tin. Trên cơ sở đó, học phần giới thiệu các kỹ thuật phân tích dữ liệu cơ bản trong báo chí: nhận diện xu hướng, phát hiện bất thường, đo lường mức độ quan tâm và phân tích cảm xúc công chúng. Phần cuối tập trung vào trực quan hóa dữ liệu (data visualization) giúp sinh viên chuyển dữ liệu thành đồ họa, bản đồ và biểu đồ dễ hiểu, hỗ trợ kể chuyện bằng dữ liệu.

Học phần giúp sinh viên nắm tư duy báo chí dữ liệu và khả năng sử dụng dữ liệu như công cụ phân

tích - xác minh trong truyền thông hiện đại.

Sử dụng công cụ AI tạo sinh nội dung (text, image, video): các nguyên lý và kỹ năng sử dụng công cụ AI tạo sinh (generative AI) trong sản xuất nội dung truyền thông. Trọng tâm gồm ba thành phần chính: hiểu cơ chế tạo sinh, ứng dụng trong sản xuất nội dung, và kiểm chứng - biên tập đầu ra.

Trước hết, sinh viên nắm nguyên tắc vận hành cơ bản của mô hình tạo sinh hình ảnh, văn bản và video, để hiểu cách AI tạo ra nội dung từ dữ liệu huấn luyện. Tiếp theo, học phần hướng dẫn sử dụng các công cụ AI phù hợp trong thực hành truyền thông: tạo phác thảo nội dung, xây dựng kịch bản, tạo hình minh họa, dựng video ngắn và đề xuất phương án truyền thông. Trọng tâm là khả năng làm chủ quy trình “co-creation” giữa con người và AI.

Phần cuối giúp sinh viên biết kiểm chứng thông tin, rà soát sai lệch, đánh giá mức độ tin cậy và biên tập nội dung do AI tạo ra để bảo đảm phù hợp chuẩn mực nghề nghiệp. Học phần hình thành năng lực vận dụng AI như công cụ hỗ trợ sáng tạo có kiểm soát.

Thuật toán phân phối nội dung và phân tích hiệu quả truyền thông: cơ chế vận hành của thuật toán trên các nền tảng số và cách chúng chi phối việc phân phối nội dung, tiếp cận công chúng và hình thành xu hướng truyền thông. Trọng tâm gồm ba nội dung chính: nguyên lý thuật toán, chỉ số đo lường, và phân tích hiệu quả.

Trước hết, sinh viên được giới thiệu cách thuật toán sắp xếp và ưu tiên nội dung dựa trên hành vi người dùng, mức độ tương tác, độ phù hợp chủ đề và mô hình dự đoán. Trên cơ sở đó, học phần hướng dẫn đọc - hiểu các nhóm chỉ số cốt lõi của truyền thông số như impression, reach, engagement rate, watch time, retention và conversion. Phần cuối tập trung vào phương pháp phân tích hiệu quả truyền thông: đánh giá mức độ lan tỏa, nhận diện nguyên nhân tăng/giảm hiệu suất, phân tích hành vi công chúng theo dữ liệu, và rút ra hàm ý điều chỉnh chiến dịch.

Học phần giúp sinh viên làm chủ tư duy dữ liệu trong truyền thông, hiểu cách thuật toán định hình thông tin và biết đánh giá hiệu quả nội dung một cách khoa học.

Diễn đàn Kinh tế quốc tế khuyến nghị rằng, các hệ thống giáo dục phải vượt ra ngoài hiểu biết về số

và coi hiểu biết về AI, và đây là ưu tiên cốt lõi trong giáo dục (World Economic Forum, 2025).

Nhóm học phần đạo đức - pháp lý trong truyền thông số

Đạo đức truyền thông số: deepfake, thông tin tạo sinh, quyền riêng tư dữ liệu, thuật toán nhân bản sai lệch.

Sinh viên được trang bị nhận thức về cách công nghệ tạo sinh (AI-generated content) có thể làm biến dạng sự thật, tạo ra deepfake hình ảnh - âm thanh - video và gây nhiễu loạn nhận thức công chúng. Học phần nhấn mạnh trách nhiệm kiểm chứng và minh bạch nguồn gốc nội dung khi sử dụng công cụ AI trong truyền thông. Bên cạnh đó, học phần phân tích các nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư dữ liệu khi thu thập, chia sẻ hoặc khai thác dữ liệu người dùng; đồng thời giúp sinh viên hiểu cách thuật toán có thể tạo thiên lệch (bias), củng cố định kiến hoặc dẫn dắt công chúng theo hướng sai lệch nếu không được kiểm soát.

Học phần hình thành tư duy đạo đức số vững vàng, giúp sinh viên biết nhận diện rủi ro, đánh giá tác động và ứng xử có trách nhiệm trong toàn bộ chu trình truyền thông số.

Pháp luật về AI, sở hữu trí tuệ nội dung số, an toàn thông tin: các nguyên tắc pháp lý thiết yếu khi sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong truyền thông. Trọng tâm gồm ba nội dung: khung pháp luật về AI, quyền sở hữu trí tuệ, và an toàn - bảo mật thông tin.

Sinh viên được giới thiệu các quy định cơ bản liên quan đến sử dụng AI, trách nhiệm đối với nội dung tạo sinh, yêu cầu ghi nhãn, minh bạch nguồn và giới hạn pháp lý khi ứng dụng AI trong truyền thông. Phần sở hữu trí tuệ tập trung vào bản quyền nội dung số, quyền tác giả đối với sản phẩm do AI hỗ trợ và quy định về trích dẫn - sử dụng lại dữ liệu. Nội dung an toàn thông tin giúp sinh viên hiểu nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng ngừa rủi ro rò rỉ, tấn công mạng và nghĩa vụ tuân thủ khi xử lý thông tin công chúng. Học phần giúp sinh viên sử dụng AI và dữ liệu một cách hợp pháp, an toàn và có trách nhiệm. Vận dụng khuyến nghị của UNESCO về đạo đức AI (UNESCO, 2021).

Nhóm học phần thực hành và dự án thí nghiệm

Phòng lab truyền thông số và AI: tích hợp mô hình thực tế, phân tích dữ liệu, thực hiện dự án truyền thông với AI.

Dự án cuối khóa liên ngành: sinh viên truyền thông hợp tác với ngành công nghệ hoặc doanh nghiệp truyền thông số.

Đánh giá theo năng lực: sử dụng công cụ như “Critical Artificial Intelligence Literacy Scale” được phát triển quốc tế rộng rãi (researchgate.net).

3.2.3. Chuẩn đầu ra gợi ý cho chương trình

Sinh viên tốt nghiệp chương trình được đề xuất cần đạt các năng lực sau: (1) Thiết lập và vận hành công cụ AI trong truyền thông số; (2) Phân tích dữ liệu người dùng và hiệu quả truyền thông; (3) Tạo nội dung truyền thông đa phương tiện có sự hỗ trợ của AI, đồng thời kiểm chứng đạo đức và pháp lý; (3) Nhận diện và đối phó với thông tin sai lệch, deepfake, thao túng thuật toán; (4) Có năng lực học tập suốt đời, cập nhật công nghệ truyền thông mới, tham gia phát triển đổi mới sáng tạo trong truyền thông.

3.3. Giải pháp triển khai

3.3.1. Giải pháp về chính sách và thể chế

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng chuẩn năng lực AI trong truyền thông.

Nhà nước hỗ trợ các trường đại học xây dựng phòng thí nghiệm truyền thông số, AI, kho dữ liệu đào tạo.

Có chính sách khuyến khích hợp tác giữa trường - doanh nghiệp công nghệ - truyền thông số để đào tạo thực hành.

3.3.2. Giải pháp về cơ sở đào tạo

Nâng cấp đội ngũ giảng viên: đào tạo AI và truyền thông số, mời chuyên gia quốc tế phối hợp huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm.

Cập nhật giáo trình: lấy chuẩn quốc tế (như khung AI Literacy Framework) làm tham chiếu (ailiteracyframework.org).

Xây dựng mô hình hợp tác liên ngành: truyền thông + công nghệ + đạo đức.

3.3.3. Giải pháp về tổ chức học tập cho sinh viên

Giảng dạy theo dự án, tình huống thực tế, phối hợp doanh nghiệp.

Cung cấp khóa học ngắn (micro-credentials) về AI truyền thông để sinh viên và giảng viên cập nhật kỹ năng liên tục.

Khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu về

truyền thông số, AI, đạo đức số.

3.3.4. Giải pháp về đánh giá và đảm bảo chất lượng

Xây dựng tiêu chí đánh giá mới: AI literacy, data literacy, digital ethics và khả năng thực hành truyền thông số được đưa vào đánh giá khoa học trong chương trình đào tạo truyền thông.

Thực hiện khảo sát định kỳ quốc tế để đo mức độ chuẩn đầu ra về năng lực AI - truyền thông; ví dụ theo nghiên cứu quốc tế về AI ethics education (arxiv.org) sử dụng các thang đo quốc tế như AI Literacy Heptagon (15 hoặc AI & Data Acumen Learning Outcomes Framework (arxiv.org).

Công bố minh bạch kết quả đào tạo - tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn AI truyền thông, hợp tác doanh nghiệp, đề tài nghiên cứu.

Trong thực thi, cần ban hành bộ quy tắc đạo đức số cho sinh viên và giảng viên, tạo môi trường truyền thông số minh bạch và có kiểm soát. Chỉ khi sinh viên được hình thành từ trường đại học kỹ năng và đạo đức số thì mới đáp ứng được yêu cầu phát triển đội ngũ nhân lực truyền thông trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo phát triển đặc biệt mạnh mẽ như hiện nay và được dự báo sẽ còn mạnh mẽ hơn trong tương lai.

4. Kết luận

Việc lồng ghép kỹ năng AI và đạo đức truyền thông là con đường giúp các trường đại học đào tạo ra đội ngũ nhân lực truyền thông hiện đại - có bản lĩnh, có tri thức, có nhân cách. Điều này không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo mà còn phù hợp với quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước đề ra là phát triển nhân lực số, nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Khi sinh viên truyền thông được đào tạo bài bản về AI và đạo đức số, họ sẽ trở thành lực lượng đi đầu trong việc ứng dụng AI một cách hiệu quả và triển khai các hoạt động truyền thông có trách nhiệm, góp phần cải thiện và nâng cao năng lực quốc gia khi thế giới bước vào kỷ nguyên số. Đó cũng chính là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ của việc xây dựng nguồn nhân lực truyền thông số - trong sạch - hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân Dân. (2024). Ứng dụng AI trong giảng dạy đại học: Xu hướng tất yếu trong tương lai. [https://nhandan.vn/ung-dung-ai-trong-giang-day-dai-hoc-xu-](https://nhandan.vn/ung-dung-ai-trong-giang-day-dai-hoc-xu-huong-tat-yeu-trong-tuong-lai)

[huong-tat-yeu-trong-tuong-lai-post920385.html](https://nhandan.vn/ung-dung-ai-trong-giang-day-dai-hoc-xu-huong-tat-yeu-trong-tuong-lai-post920385.html)

2. British Council. (2023). Digital transformation in Vietnam's higher education

<https://www.britishcouncil.vn/en/about/press/digital-transformation-viet-nam%E2%80%99s-higher-education>

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, gồm 2 tập, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, T.1, tr.136, 142.

4. Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định số: 127/QĐ-TTg, Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

5. United Nations. (2015). Sustainable Development Goals (SDGs): Goal 4 - Quality education.

<https://sdgs.un.org/goals/goal4>

6. Hoàng, P. T. (2025). Vietnam higher education in the age of artificial intelligence: Redefining workforce preparation.

https://www.allmultidisciplinaryjournal.com/uploads/archives/20250702183938_MGE-2025-3-486.1.pdf

7. Nguyễn, T. N., et al. (2024). The impact of AI tools on higher education in Vietnam: Perspectives from EFL lecturers. Dong Nai Technology University Journal

<https://jst.dntu.edu.vn/viewfile/view/10caca0e-8d45-4d39-9eea-3eeee8dd5656>

8. EDUCAUSE. (2024). AI literacy in teaching and learning: Defining AI literacy for higher education. <https://www.educause.edu/content/2024/ai-literacy-in-teaching-and-learning/defining-ai-literacy-for-higher-education>

9. 11. UNESCO. (2021). Recommendation on the ethics of artificial intelligence. <https://www.unesco.org/en/artificial-intelligence/recommendation-ethics>

10. World Economic Forum. (2025). Why AI literacy is now a core competency in education.

<https://www.weforum.org/stories/2025/05/why-ai-literacy-is-now-a-core-competency-in-education/>

12. https://www.researchgate.net/publication/395432520_AI_Literacy_in_Higher_Education

13. https://ailiteracyframework.org/wpcontent/uploads/2025/05/AILitFramework_ReviewDraft.pdf

14. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2666920X25000451>

15. <https://arxiv.org/abs/2509.18900>

16. <https://arxiv.org/abs/2510.24783>